

## VỀ SỰ SUY GIẢM SỨC MẠNH THỦY QUÂN TRIỀU NGUYỄN VÀ HỆ QUẢ CỦA NÓ TRONG CUỘC ĐỐI ĐẦU VỚI PHƯƠNG TÂY

Bùi Gia Khánh\*

Triều Nguyễn từ khi được thiết lập thì một nhiệm vụ quan trọng được đặt ra là phải tổ chức quản lý vùng biển rộng lớn tương đương với vùng biển Việt Nam ngày nay. Các vua Nguyễn trong thời kỳ độc lập đều ý thức được tầm quan trọng của biển và chú ý đến vấn đề khẳng định chủ quyền cũng như tổ chức quản lý một cách tốt nhất trong khả năng của mình. Thực hiện công việc khó khăn này đòi hỏi sự liên đới tới nhiều cơ quan cũng như các lực lượng tham gia, trong đó thủy quân giữ sứ mạng then chốt.

Vào giai đoạn đầu triều Nguyễn, có thể nói thủy quân nước ta đạt đến mức phát triển cao nhất của binh chủng này dưới thời phong kiến. Điều đó thể hiện qua việc xây dựng một lực lượng thủy quân hướng biển. Sự phát triển của thủy quân dưới triều Nguyễn như là sự tích hợp bởi những yếu tố truyền thống và nhu cầu xây dựng sức mạnh một quốc gia trên nhiều phương diện. Đó là nhu cầu phát triển của một đất nước thống nhất, có vùng biển rộng lớn, nhiều hải đảo, lại ở vào vị trí địa-chiến lược hết sức quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

Triều Nguyễn đã tận dụng những lợi thế của mình để xây dựng nên một lực lượng thủy quân xứng tầm với vị thế của nước Đại Nam hùng mạnh hàng đầu khu vực Đông Nam Á trong những thập niên đầu thế kỷ XIX. Trên nhiều mặt, thủy quân triều Nguyễn đã có sự tiến bộ vượt bậc so với các thời kỳ trước. Đó là tính chặt chẽ, quy mô và hệ thống trong tổ chức lực lượng thủy quân từ trung ương cho đến các địa phương.

Những vấn đề lớn trong tổ chức lực lượng thủy quân đã hình thành từ thời Nguyễn Ánh - Gia Long, và được định hình một cách ổn định dưới thời Minh Mệnh. Những yếu tố kỹ thuật phương Tây vốn được áp dụng khá sớm trước triều Nguyễn, đến đây vẫn được duy trì và nâng lên ở một mức độ nhất định. Đáng chú ý hơn cả là kỹ thuật đóng tàu và chế tạo vũ khí. Điều này thể hiện đầy đủ nhất dưới thời Gia Long và Minh Mệnh.<sup>(1)</sup>

Sự cập nhật một cách có dụng ý những kỹ thuật của phương Tây vào thời Gia Long và Minh Mệnh, đã làm cho thủy quân triều Nguyễn trở thành một lực lượng hùng mạnh trong khu vực Đông Nam Á với một trình độ không quá cách xa đối với thế giới.

Trước năm 1802, một số tàu chiến được Nguyễn Ánh mua lại của nước ngoài, đồng thời ông cũng thiết lập các xưởng đóng thuyền để phục vụ cho

\* Khoa Xã hội, Trường Cao đẳng Tuyên Quang.

mục đích quân sự. Nguyễn Ánh tỏ ra đặc biệt quan tâm tới kỹ thuật đóng thuyền. Kỹ thuật đóng thuyền thời kỳ này đã có tiến bộ với việc du nhập thêm những yếu tố kỹ thuật mới của phương Tây. Như J. Barrow nhận xét: *“Kỹ nghệ đặc biệt mà ngày nay có thể nói là người xứ Nam Hà nổi trội hơn cả là kỹ thuật đóng tàu biển của họ: chẳng thiếu loại kích cỡ nào cũng như có đủ các loại chất lượng gỗ dùng để đóng”*.<sup>(2)</sup>

Vào cuối thời Gia Long kỹ thuật đóng thuyền đã đạt đến trình độ khá cao. J. White, một người Mỹ đã đến Sài Gòn vào năm 1819, và điều làm cho ông thấy khâm phục nhất chính là cơ sở đóng thuyền tại đây. Ông đã viết trong hồi ký của mình: *“Riêng cơ xưởng này đáng làm cho người Việt Nam tự hào hơn bất cứ cái gì khác ở trong nước. Thực ra thì xưởng này có thể ví với bất cứ một cơ xưởng đóng tàu nào bên châu Âu”*.<sup>(3)</sup>

Những khảo sát của Li Tana cho thấy, kỹ thuật đóng thuyền của người thợ Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XIX thuộc vào loại tốt nhất ở khu vực Đông Nam Á. Tác giả cho biết: *“thành phần tham gia phát triển công nghiệp đóng thuyền ở Chanthaburi (trung tâm đóng thuyền chủ chốt của Xiêm La đầu thế kỷ XIX) là người Đảng Trong và người Hoa vừa trốn khỏi sự khủng bố của Minh Mệnh*.<sup>(4)</sup> *Có từ năm đến sáu nghìn người ở Chanthaburi năm 1835, đa số là người Đảng Trong mới đến”*.<sup>(5)</sup> Cũng theo Li Tana thì: *“Công nghiệp đóng thuyền ở Chanthaburi, xưởng đóng thuyền chủ chốt để triều đình Xiêm xây dựng lực lượng hải quân của mình trong những năm 1830, được xây dựng hoàn toàn dựa trên kiến thức kỹ thuật và sức người của các thợ đóng thuyền người Đảng Trong, người Hoa và người Chăm, những người đã di cư từ lãnh địa của nhà Nguyễn”*.<sup>(6)</sup>

Rey - một chỉ huy tàu buôn người Pháp cho biết: *“Năm 1820 (một năm sau khi vua Gia Long mất), quân đội nhà Nguyễn có 160.000 người và có thể tăng gấp đôi trong thời chiến, trong đó có khoảng 30.000 thủy binh”*. Đồng thời, *“đại bộ phận quân lính được trang bị và huấn luyện theo kiểu châu Âu”*.<sup>(7)</sup>

Thế nhưng, sức mạnh thủy quân triều Nguyễn đã không được duy trì một cách có hiệu quả dưới thời Thiệu Trị mà rõ nhất là thời Tự Đức. Sự tụt hậu này trước hết thể hiện ở chỗ triều Nguyễn đã không thể bắt kịp với sự phát triển kỹ thuật nhanh chóng của thế giới. Qua đó không thể nào cải tiến trang bị và đổi mới tư duy trong nghệ thuật tác chiến cho lực lượng thủy quân.

Ở châu Âu, tàu máy hơi nước đầu tiên được thử nghiệm là tàu trên sông (tàu thủy Pyroscaphe do Bá tước Jouffroy d'Abbans chế tạo năm 1783). Đến năm 1815 người ta bắt đầu chế tạo tàu hơi nước đi biển, tàu Elise vượt biển Manche năm 1816, và tàu Savannah vượt Đại Tây Dương năm 1819. Bấy giờ tàu hơi nước vẫn đóng bằng vỏ gỗ, đồng thời sử dụng buồm trong phần lớn thời gian hải hành. Lúc này ở Việt Nam, dù kỹ thuật đóng tàu ở trình độ khá cao, và có học tập kỹ thuật của phương Tây, nhưng vẫn là đóng tàu buồm với các mái chèo theo kiểu truyền thống.

Đến cuối thời Minh Mệnh, ở phương Tây đã đạt được những thành tựu dồn dập trên lĩnh vực đóng tàu biển. Năm 1837, tàu *Sirus* vượt Đại Tây Dương hoàn toàn bằng máy hơi nước. Năm 1838 chiếc tàu vượt Đại Tây Dương hoàn toàn bằng vỏ sắt là tàu *Ironside*. Năm 1839, tàu *Queen of the East* (Nữ hoàng phương Đông) 2.618 tấn với máy hơi nước 600 mã lực đã đi lại giữa London và Calcutta.<sup>(8)</sup>

Vua Minh Mệnh đã sớm nhận thấy những ưu điểm trong kỹ thuật của người phương Tây, đặc biệt trong lĩnh vực tàu thuyền đi biển. Vì thế ông đã có nhiều cố gắng trong việc học hỏi những kỹ thuật này. Những chiếc tàu hơi nước được ông cho đóng trong thời gian trị vì, dù tốn kém, là một minh chứng. Nhưng chúng ta không thể coi đây là một cuộc tiếp thu trình độ kỹ thuật tiên tiến một cách căn cơ, có hệ thống. Mà đó chỉ là sự bắt chước hoàn hảo nhất có thể, nó chứng tỏ sự khéo léo của người thợ Việt Nam, nhưng không giúp ích gì nhiều cho việc tăng cường sức mạnh của thủy quân triều Nguyễn trong bối cảnh kỹ thuật hàng hải thế giới đã có những bước phát triển nhảy vọt.

Trong khi đó, việc theo đuổi những thành tựu kỹ thuật phương Tây dưới thời Thiệu Trị và Tự Đức đã không thể tiếp tục như trước. Mặc dù triều đình cũng có những cố gắng nhất định trong việc nâng cao trang bị cho lực lượng thủy quân bằng cách mua một số tàu của nước ngoài để sử dụng. Nhưng việc không thể làm chủ hoàn toàn công nghệ nên phải thuê người điều khiển cũng như bảo trì đã tiêu tốn không ít chi phí. Điều này cho thấy triều Nguyễn đã tỏ ra “hụt hơi” trong việc tiếp cận kỹ thuật phương Tây. Khoảng cách về trình độ phát triển kỹ thuật, công thương nghiệp ngày càng trở nên lớn hơn và nhanh chóng hơn khi các nước châu Âu bắt đầu là Anh, Pháp và các nước khác lần lượt hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp để vươn lên phát triển mạnh mẽ trên con đường tư bản chủ nghĩa. Cũng từ đây, các nước này đẩy mạnh việc xâm lược thuộc địa ở các nước có trình độ phát triển chậm hơn họ, và Việt Nam không phải là ngoại lệ.

Sự thua thiệt về mặt trang bị của thủy quân triều Nguyễn trước sức mạnh mới từ phương Tây đã thể hiện rõ nét vào năm 1858 khi Pháp tấn công Việt Nam. Nhưng từ trước đó, khi sức mạnh quân sự trên biển có sự suy giảm, triều Nguyễn đã bắt đầu có sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại. Việc dàn trải sức mạnh quân sự trên một diện rộng, vốn dĩ có thể được bao quát dưới thời Minh Mệnh, nhưng đã không thể tiếp tục duy trì vào thời Thiệu Trị. Sự kiện Thiệu Trị cho rút quân khỏi Cao Miên sau khi lên ngôi là một biện pháp ứng xử phù hợp với thực lực của vương triều, cũng như để tập trung sức mạnh chuẩn bị đối phó với những tình huống bất ngờ xảy ra. Khi mà ở các nước láng giềng, tiếng súng xâm lược của người phương Tây đã bắt đầu vang lên.<sup>(9)</sup>

Sự kiện tháng 3 năm Đinh Mùi (1847), khi tàu chiến Pháp bất ngờ nổ súng đánh đắm 5 chiếc thuyền bọc đồng, giết chết một số chỉ huy cùng với nhiều binh lính ở cửa Đà Nẵng<sup>(10)</sup> có thể xem là viên thuốc thử đối với sức

mạnh thủy quân thời Thiệu Trị. Lời than thở của nhà vua ngay sau đó cho ta thấy diện mạo của công tác binh bị lúc bấy giờ: *“Năm chiếc thuyền đồng lại bị giặc Tây dương bắn, không ngờ quan quân hèn yếu đến như thế, đáng tiếc lắm, bọn Công Ngôn không nghiêm quân luật để đến tiết lộ quân cơ, là một tội; sau khi đã lỡ việc, không đốc thúc quan quân hết sức mà đánh, dùng các súng to ở thành đài, đánh dữ giết giặc để giải lòng công phần, thế là hai tội; thuyền giặc trốn đi rồi mà hai pháo đài Phòng Hải, Định Hải lạng yên, không bắn một phát nào để chặn đường đi của giặc, thế là ba tội!”*<sup>(11)</sup>

Một số quan lại của triều đình Huế cũng nhờ sự kiện đó mới “giật mình” và công nhận thực tế là thủy quân triều đình đã quá yếu kém so với thực dân Pháp. Chẳng hạn lời tâu của Nguyễn Bá Nghi theo yêu cầu “cho tâu thẳng” của Tự Đức năm 1861: *“Tôi vẫn nghe người nhà binh nói: người Tây dương tàu thì chở đi như bay, súng thì bắn suốt được thành đá vôi nhận,<sup>(12)</sup> bắn xa hơn 10 dặm. Có được vài thứ binh khí ấy, muốn đánh khó lòng đánh được họ, muốn giữ cũng khó lòng giữ được họ. Nhưng lòng tôi vẫn chưa tin. Mùa xuân năm Thiệu Trị thứ 7, thuyền Tây dương đến Đà Nẵng bắn phá 5 chiếc thuyền bọc đồng lớn của ta mà không đầy vài khắc. Lúc ấy tôi quyền Bố chính Quảng Nam, chính mắt đã trông thấy, mới tin là thật”*.<sup>(13)</sup>

Lúc bấy giờ một số người Pháp cũng đánh giá thấp sức mạnh thủy quân của triều Nguyễn. Giám mục Legrand de la Liraye trong một bản trần tình gửi cho Hoàng đế Napoléon III vào tháng 12/1857 đã thúc giục vua Pháp tấn công Việt Nam mà điểm khởi đầu là Đà Nẵng. Ông ta cho rằng: *“Hải quân của An Nam có thể nói là không còn nữa từ vụ Đà Nẵng năm 1847: đã có lệnh không đóng thuyền theo kiểu Âu Châu nữa, còn ghe trong nước thì thiếu vũ trang và thiết bị. Vậy không còn sợ về mặt thủy chiến”*.<sup>(14)</sup>

Một người Pháp khác là Géraud nhận định về sự kiện 2 tàu chiến Pháp gây sự ở Đà Nẵng vào tháng 3 năm Đinh Mùi (1847) rằng: *“Khó có thể tin rằng: một số thủy thủ và lính tráng đi trên những chiếc thuyền tồi tàn với khí giới chẳng ra gì lại dám tấn công hai chiến hạm lớn!.. Và người ta (Pháp) đã phá hủy 5 chiếc ghe<sup>(15)</sup> của đối phương (triều Nguyễn) và tàn sát 1.000 nhân mạng, trong khi họ chỉ giết chết một thủy thủ Pháp”*.<sup>(16)</sup>

Những nhận xét trên tuy có phần cường điệu, nhưng cũng cho thấy một thực tế là lực lượng thủy quân triều Nguyễn đã tỏ ra thua kém rất nhiều so với đội quân xâm lược được trang bị hiện đại và nhà nghề của thực dân Pháp.

Đến thời Tự Đức, những hành động khiêu khích tương tự của Pháp diễn ra lộ liễu hơn. Đặc biệt là sau khi tình hình trong nước ổn định trở lại (cuối năm 1851) và mâu thuẫn Pháp-Anh tạm thời hòa hoãn (cuối năm 1856). Đối với triều đình Huế, việc phòng thủ ở các cửa biển trong giai đoạn này có nhiều phức tạp. Tuy triều đình rất lo lắng, nhưng sự chuẩn bị từ thời Tự Đức có phần bị động. Khi hữu sự thì điều động binh mã từ nơi khác đến hỗ trợ, còn binh lực tại chỗ thường không đủ sức ứng phó. Với điều kiện

giao thông khó khăn thì rất bất lợi cho việc tiếp ứng. Mà việc binh lại cốt ở thời cơ. Trong khi đó, những người được giao trọng trách chỉ huy phòng thủ ở nơi hiểm yếu lại không thể chủ động đối phó, mà thường chờ đợi sự chỉ đạo của triều đình.

Điều này đã bị vua Tự Đức nhắc nhở. Tháng Giêng năm Đinh Tỵ (1857), Khâm phái Trấn dương quân vụ là Đào Trí tâm nói: *“Thuyền của sứ thần Tây dương đến xin phái viên quan đến hội bàn việc hòa hiếu, tự xưng là viên quan nhất phẩm của Tây dương chỉ xin đến kinh thành cùng viên quan to nhất phẩm hội họp bàn định. Xin nên chọn phái viên quan to cùng đến hội bàn. Vua bảo rằng: Lời xin có phần câu nệ cố chấp, bộ tư ngay cho viên ấy hết lòng trù tính kế hoạch, cốt sao cho đúng thời cơ, để xứng với ủy nhiệm, hà tất phải mượn người khác làm gì”*.<sup>(17)</sup> Nhưng việc chủ động đối phó chỉ có thể được thực hiện khi nắm trong tay một lực lượng vũ trang không quá thua kém với kẻ thù. Chính vì thế, việc quan quân phải xin chỉ thị của triều đình trong những trường hợp tương tự như trên chủ yếu xuất phát từ tình trạng lúng túng không biết phải xử lý như thế nào, khi đối diện với một sức mạnh vượt trội.

Sau khi đánh xong Quảng Châu và cùng với Anh gây sức ép buộc nhà Thanh ký Hiệp ước Thiên Tân (6/1858), quân Pháp cùng với Tây Ban Nha kéo vào hải phận Việt Nam. Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp-Tây Ban Nha nổ súng tấn công vào Đà Nẵng. Tuy rằng sau đó họ đã không thành công trong âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, và chuyển mục tiêu vào Gia Định, nhưng đó là kết quả của quá trình tổ chức phòng thủ trên đất liền của triều đình, có sự phối hợp quân dân. Còn thủy quân hầu như đã không thể hiện được gì ngay từ khi chiến sự nổ ra.

Thực dân Pháp khởi đầu quá trình xâm lược nước ta bằng đường biển, và việc đánh mất vai trò của mình trong cuộc đối đầu với phương Tây là hệ quả từ chỗ sức mạnh thủy quân triều Nguyễn đã không thể vượt ra bên ngoài khuôn khổ tư duy triều đại/thời đại. Dù rằng biển vẫn luôn được coi trọng. Điều đó cho thấy nhận thức đúng vai trò của biển thời chưa đủ, mà phải thực sự làm chủ vùng biển bằng chính sức mạnh của một lực lượng thủy quân mạnh, luôn luôn được trang bị mới ở một trình độ nhất định, không quá cách xa với trình độ của thế giới. Tất nhiên, sức mạnh ấy phải gắn với sức mạnh tổng thể của quốc gia.

*Tuyên Quang, 2011*

**B G K**

## CHÚ THÍCH

- (1) Về tổ chức, trang bị và hoạt động của thủy quân triều Nguyễn xin xem thêm: Bùi Gia Khánh, “Thủy quân thời Gia Long và Minh Mệnh với công tác tuần tra và kiểm soát vùng biển, đảo”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 5 (82). 2010, tr. 36-49.
- (2) J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb Thế giới, 2008, tr. 91.
- (3) Patrick J. Honey, “Việt Nam vào thế kỷ 19 qua hồi ký của John White, John Crawford, George Gibson”, Trương Ngọc Phú chú giải, *Nghiên cứu Huế*, tập 1, 1999, tr. 215.

- (4) Li Tana muốn nói tới những người có liên đới và chạy trốn sau cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi.
- (5) Li Tana, "Quan hệ Việt Nam & Xiêm trong việc đóng thuyền", Đức Hạnh dịch, tạp chí *Xưa & Nay*, số 132 + 133, 2003, tr. 58.
- (6) Li Tana, *Sđđ*, tr. 58.
- (7) Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb TP HCM, 2002, tr. 24-25.
- (8) Những mốc thời gian về sự phát triển của tàu máy hơi nước xin xem thêm: Hoàng Đình Phú, *Lịch sử kỹ thuật và cách mạng công nghệ đương đại*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 1997, tr. 75 và Phạm Văn Tuấn, "Lịch sử tàu thủy", <http://vietsciences.free.fr/inventions/tauthuy.htm>.
- (9) Lúc này, chiến tranh Nha phiến đã nổ ra ở Trung Quốc. Sự kiện đó làm cho vua Thiệu Trị rất quan tâm, ông đã cho người đi dò hỏi tình hình chiến sự để đề phòng trước (Xem thêm: Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, Nxb Giáo dục, 2007, tr. 129).
- (10) Cần lưu ý Đà Nẵng là một nơi có vị trí hết sức quan trọng trong việc bố trí phòng thủ để bảo vệ cho kinh đô Huế. Chính vì vậy lực lượng thủy quân triều đình trấn đóng ở đây luôn được ưu tiên về số lượng tàu thuyền cũng như vũ khí thuộc loại tốt nhất.
- (11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 984.
- (12) Cổ thời lấy 8 thước là 1 nhạ (chú của người dịch).
- (13) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 715.
- (14) Cao Huy Thuần, *Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857-1914)*, Nguyễn Thuận dịch, Nxb Tôn giáo, 2003, tr. 56.
- (15) Đúng ra là 5 chiếc thuyền bọc đồng.
- (16) Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, *Sđđ*, tr. 312. Về sự kiện này, Philippe Deville trong tác phẩm *Người Pháp và Annam bạn hay thù?*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006 đã đưa ra con số thương vong về phía triều đình Huế là lớn hơn nhiều (10.000 người). Đồng thời Philippe Deville cũng nhận định sự kiện đó đã đặt dấu chấm hết cho những nỗ lực hòa giải giữa Nhà thờ Gia tô giáo và triều Nguyễn. Chỉ sau đó ít lâu thì Thiệu Trị mất vì một tai biến mạch máu não, và sau cái chết này mới thấy biểu hiện ra hết những hậu quả của cuộc tấn công của Pháp (Philippe Deville, *Sđđ*, tr. 47-48).
- (17) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, *Sđđ*, tr. 485.

## TÓM TẮT

Dưới triều Nguyễn, thủy quân được chú ý xây dựng trở thành một lực lượng có tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Các vua đầu triều Nguyễn đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao sức mạnh của lực lượng này bằng cách tiếp thu kỹ thuật phương Tây, đặc biệt là trong việc đóng tàu và chế tạo vũ khí. Thủy quân triều Nguyễn vì thế đã có nhiều đóng góp trong việc thực thi chủ quyền vùng biển đảo.

Tuy nhiên, từ thời Thiệu Trị trở đi, vấn đề trang bị cho thủy quân đã ngày càng trở nên lạc hậu so với sự phát triển của thế giới. Điều này đã làm cho sức mạnh của thủy quân triều Nguyễn giảm sút đi nhiều. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho thủy quân đánh mất vai trò của mình trong cuộc đối đầu với phương Tây.

## ABSTRACT

### ON THE RECESSION OF NAVY FORCES OF THE NGUYỄN DYNASTY AND ITS CONSEQUENCES IN THE CONFRONTATION WITH THE WEST

Under the Nguyễn dynasty, navy forces was built into closely organized forces that from central to local levels. The first emperors of the Nguyễn dynasty paid much effort to improve the strength of this force by acquiring Western technology, especially that of shipbuilding and weapon manufacturing. Thus, navy forces of the Nguyễn dynasty had so many contributions to the implementation of the high seas and islands sovereignty.

However, from the reign of Emperor Thiệu Trị, equipments for naval forces have become obsolete comparing to the development of the world. This led to the weakness of navy power of the Nguyễn dynasty. It was one of the reasons that made the Vietnamese navy forces lose its role in the confrontation with the West.